

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU**

Mã hồ sơ: .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Hóa học;

Chuyên ngành: Hóa học các hợp chất thiên nhiên

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký:** VŨ KIM THU

**2. Ngày tháng năm sinh:** 27-02-1976; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

**4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố):** Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh):**

Khu B, tập thể trường Đại học Mỏ - Địa chất, Tổ dân phố số 4, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

**6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):**

TS. Vũ Kim Thu, Bộ môn Hóa học, Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, số 18, phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

Điện thoại di động: 0983327276; E-mail: vukimthu@humg.edu.vn

**7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):**

Thời gian	Công việc, chức vụ, cơ quan
9/1998 - 2/1999	Trợ giảng, Bộ môn Hóa - Khoa ĐHĐC, Trường ĐH Mỏ - Địa chất
1/2000 - 3/2018	Giảng viên, Bộ môn Hóa học - Khoa ĐHĐC (nay là Khoa KHCB), Trường ĐH Mỏ - Địa chất

4/2018 - nay	Giảng viên chính, Bộ môn Hóa học - Khoa KHCB, Trường ĐH Mỏ - Địa chất
4/2004 - 10/2008	Phó trưởng Bộ môn, Bộ môn Hóa học - Khoa ĐHĐC, Trường ĐH Mỏ - Địa chất
11/2012 - 9/2013	Phó trưởng Bộ môn, Bộ môn Hóa học - Khoa ĐHĐC, Trường ĐH Mỏ - Địa chất
4/2016 - nay	Phó Chánh văn phòng, Văn phòng Chương trình Tiên tiến, Trường ĐH Mỏ - Địa chất

Chức vụ hiện nay: Phó Chánh văn phòng, Văn phòng Chương trình Tiên tiến, Trường ĐH Mỏ - Địa chất.

Địa chỉ cơ quan: Trường Đại học Mỏ - Địa chất, số 18, phố Viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.8383600 (BM Hóa); 024.63284518 (VP CTTT).

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): không

**8. Đã nghỉ hưu từ tháng:** Chưa nghỉ hưu

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Chưa nghỉ hưu

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

**9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng ĐH ngày 14 tháng 06 năm 1998; số văn bằng: B.88391; ngành: Hóa học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng ĐH ngày 19 tháng 04 năm 2001; số văn bằng: B.240788; ngành Tiếng Anh – chuyên ngành 2; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng ThS ngày 31 tháng 12 năm 2002; số văn bằng: QM 000824; ngành: Hóa học; Nơi cấp bằng Thạc sĩ (trường, nước): Trường ĐH Khoa học Tự nhiên – ĐH Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.
- Được cấp bằng TS vào ngày 10 tháng 07 năm 2012; số văn bằng: 001125; ngành: Hóa học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên – Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam.

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm..... ,**  
**ngành:** Chưa

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở:**

Hóa học - Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:**

Hội đồng liên ngành Hóa học – Công nghệ thực phẩm

### **13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

Hóa học các hợp chất thiên nhiên, các hợp chất có hoạt tính sinh học: phân lập và xác định cấu trúc hóa học các hợp chất từ nguồn thảo dược, sinh vật biển.

### **14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn **01** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn **02** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **01** đề tài cấp cơ sở Trường Đại học Mở - Địa chất; **01** đề tài cấp Bộ GD&ĐT và **02** đề tài Quỹ Nafosted.
- Đã công bố **46** bài báo khoa học, trong đó **25** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín và **21** bài báo khoa học chuyên ngành trong nước;
- Số lượng sách đã xuất bản **03** (trong đó 01 giáo trình Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 01 giáo trình NXB Đại học Quốc gia Hà Nội và 01 sách chuyên khảo NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ).

### **15. Khen thưởng** (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo (quyết định số 1225B/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 03 năm 2010);
- Chiến sĩ thi đua cấp Bộ (quyết định số 4063/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 09 năm 2013);
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (quyết định số 1656/QĐ-TTg ngày 2 tháng 10 năm 2017);
- Bằng khen của BCH Công đoàn ngành Giáo dục Việt Nam (quyết định số 225/QĐ-CDN ngày 18 tháng 08 năm 2020).
- Nhiều năm liền đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

**16. Kỷ luật** (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn nhà giáo và hoàn thành tốt tất cả các nhiệm vụ của nhà giáo.

- Là một giảng viên có năng lực chuyên môn, có phẩm chất đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; tuân thủ pháp luật và thực hiện đúng các quy định của Nhà trường; trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.
- Được đào tạo chính quy từ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để giảng dạy, xây dựng và phát triển chương trình đào tạo; có đủ năng lực biên soạn sách, giáo trình giảng dạy phù hợp với chuyên môn.
- Có đủ khả năng hướng dẫn sinh viên đại học, học viên cao học và nghiên cứu sinh hoàn thành tốt luận văn, luận án trong lĩnh vực nghiên cứu.

- Có đủ năng lực đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao. Đã và đang thực hiện các đề tài các cấp với tư cách là chủ nhiệm đề tài cũng như người tham gia.
- Thường xuyên học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo; tham gia các công tác và hoạt động của Nhà trường.

## 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 21 năm (từ 2000 – nay).
- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015÷2016	0	1	1	0	322	0	322/553/270
2	2016÷2017	0	1	0	0	307	0	307/567/216
3	2017÷2018	0	1	1	0	236	0	236/421/202.5
3 năm học cuối								
4	2018÷2019	0	1	0	0	285	0	285/494/202.5
5	2019÷2020	0	0	0	0	195	0	195/289/202.5
6	2020÷2021	0	0	1	0	205	0	205/335/202.5

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

## 3. Ngoại ngữ:

### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc  TSKH; tại nước: ..... năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước :

Tốt nghiệp ĐH tại Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội, Việt Nam, ngành Tiếng Anh – chuyên ngành 2, số hiệu bằng B.240788, ngày cấp bằng 19 tháng 04 năm 2001.

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Chương trình tiên tiến – ngành Kỹ thuật hóa học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Việt Nam.

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

**3.2. Tiếng Anh** (văn bằng, chứng chỉ): Bằng cử nhân ngoại ngữ tiếng Anh – chuyên ngành 2, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội, Việt Nam.

**4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng**

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Văn Thắng	x			x	10/2014 ÷ 12/2018	Học viện Khoa học và Công nghệ	19/04/2019, GUST/TS 234
2	Lê Thị Kiều Anh		x	x		02/2015 ÷ 08/2015	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	08/01/2016, A126352
3	Phan Thị Tươi		x	x		09/2017 ÷ 06/2018	Trường ĐH Khoa học, Đại học Thái Nguyên	02/08/2018, A5613
4	Nguyễn Thị Dung		x	x		03/2021 ÷ 10/2021	Học viện Khoa học và Công nghệ	Đang thực hiện

**5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên**

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>Trước khi được công nhận Tiến sĩ</b>							
1	Hóa học vô cơ	GT	NXB Giao thông vận tải; 2007	03	Đồng tác giả	Chương II (trang 61 ÷ 143)	254/GXN-MĐC ngày 25/05/2021

Sau khi được công nhận Tiến sĩ							
2	Hóa học đại cương	GT	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016	13	Đồng chủ biên	Chương 10, 11, 12 (trang 273 ÷ 361)	254/GXN-MĐC ngày 25/05/2021
3	Chi bọt ếch ( <i>Glochidion</i> ), Hoá học các hợp chất triterpenoid và hoạt tính gây độc tế bào ung thư của ba loài <i>Glochidion eriocarpum</i> , <i>Glochidion glomerulatum</i> và <i>Glochidion hirsutum</i> ở Việt Nam	CK	NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2021	2	Chủ biên	Lời mở đầu, Chương 1 (trang 1 – 51) Chương 2 (trang 52 - 166); Viết chung Chương 3 & Chương 4	254/GXN-MĐC ngày 25/05/2021

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [ ],.....

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>I Trước khi được công nhận TS</b>					
1	ĐT: Tổng hợp và nghiên cứu sự tạo thành phức chất trong hệ ion đất hiếm (III) - anion antranilat - đipyridin ( $Ln^{3+}$ -OAB-Đipy).	CN	T06-2007, Cấp Trường	01/2007-12/2007	15-11-2007/ đạt
2	ĐT: Nghiên cứu thành phần hoá học và hoạt tính	CN	B2010-02-95, Cấp Bộ	01/2010-12/2011	13-06-2012/ xuất sắc

	chống ung thư của cây bòn bọ (Glochidion eriocarpum).				
<b>II Sau khi được công nhận TS</b>					
3	ĐT: Nghiên cứu thành phần hóa học và một số hoạt tính sinh học chi Bọ ếch (Glochidion) ở Việt Nam.	CN	104.01-2012.24, Quỹ Nafosted	03/2013-03/2016	16-06-2016/ đạt
4	ĐT: Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học chi <i>Mussaenda</i> ở Việt Nam.	CN	104.01-2016.27, Quỹ Nafosted	04/2017-04/2020	21-06-2020/ đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

## 7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

### 7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>I Trước khi được công nhận PGS/TS</b>								
<i>Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI (08 bài, trong đó 01 bài là tác giả chính)</i>								
1	New Triterpenoid Saponins from <i>Glochidion eriocarpum</i> and Their Cytotoxic Activity DOI: 10.1248/cpb.57.102	11		Chemical & Pharmaceutical Bulletin/ ISSN 0009-2363, 1347-5223	SCIE, IF: 1.645, Q2	36	57, 1, 102-105	2009
2	A New Monoterpenoid Glycoside from <i>Myrica esculenta</i> and the Inhibition of Angiotensin I-Converting Enzyme DOI: 10.1248/cpb.58.1408	11		Chemical & Pharmaceutical Bulletin/ ISSN 0009-2363, 1347-5223	SCIE, IF: 1.645, Q2	21	58, 10, 1408-1410	2010

3	Triterpenoids from Aerial Parts of <i>Glochidion eriocarpum</i>	11	x	Natural Product Communications / ISSN: 1555-9475, 1934-578X	SCIE, IF 0.986, Q4	4	5, 3, 361-364	2010
4	Oleanane-type triterpene saponins from the bark of <i>Aralia elata</i> and their NF- $\kappa$ B inhibition and PPAR activation signal pathway DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.bmcl.2011.08.024">10.1016/j.bmcl.2011.08.024</a>	9		Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters/ ISSN: 0960-894X, 1464-3405	SCIE, IF: 3.641, Q2	46	21, 6143-6147	2011
5	Antioxidant activity of a new C-glycosyl flavone from the leaves of <i>Ficus macrocarpa</i> . DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.bmcl.2010.12.025">10.1016/j.bmcl.2010.12.025</a>	11		Bioorganic & Medicinal Chemistry Letters/ ISSN: 0960-894X, 1464-3405	SCIE, IF: 3.641, Q2	34	21, 633-637	2011
6	Phenylpropanoids from the leaves of <i>Acanthopanax koreanum</i> and their antioxidant activity. DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/10286020.2010.525743">10.1080/10286020.2010.525743</a>	11		Journal of Asian Natural Products Research/ ISSN: 1028-6020, 1477-2213	SCIE, IF: 1.475, Q3	22	13, 1, 56-61	2011
7	Inhibitory Activity of <i>Plantago major L.</i> on Angiotensin I-converting Enzyme. DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s12272-011-0309-7">10.1007/s12272-011-0309-7</a>	13		Archives of Pharmacal Research/ ISSN: 0253-6269, 1976-3786	SCIE, IF: 4.946, Q1	21	34, 3, 419-423	2011
8	Cytotoxic oleanane-type Triterpene Saponins from <i>Glochidion eriocarpum</i> . DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/s12272-012-0102-2">10.1007/s12272-012-0102-2</a>	12		Archives of Pharmacal Research/ ISSN: 0253-6269, 1976-3786	SCIE, IF: 4.946, Q1	23	35, 1, 19-26	2012
<b>Bài báo đăng trên tạp chí trong nước (08 bài, trong đó 04 bài là tác giả chính)</b>								
9	Tổng hợp và nghiên cứu sự tạo phức trong hệ ion đất hiếm (III)-anion antranilat-phenantrolin	2		Tạp chí Hóa học/ ISSN: 0866-7144			44 (2), 147-151	2006
10	Norisoprenoid, phenolic and sterolidal constituents from <i>Mallotus luchenensis</i>	9		Vietnam Journal of Chemistry/ ISSN: 0866-7144		1	47(5), 558-562	2009



11	Glochierioside F, một phenolic glycoside mới từ cây bòn bọt ( <i>Glochidion eriocarpum</i> Champ.)	6	x	Tạp chí Dược học/ ISSN: 0866-7225			50, 411, 50-55	2010
12	Các hợp chất lupan phân lập từ cây bòn bọt ( <i>Glochidion eriocarpum</i> Champ.)	9	x	Tạp chí Dược học/ ISSN: 0866-7225			50, 405, 39-43	2010
13	A new flavan glucoside from <i>Glochidion eriocarpum</i> DOI: <a href="https://doi.org/10.15625/1993">https://doi.org/10.15625/1993</a>	6	x	Vietnam Journal of Chemistry/ ISSN: 0866-7144		5	48 (1), 125-131	2010
14	Các hợp chất flavonoid phân lập từ lá cây gừa <i>Ficus microcarpa</i> L.f.	10		Tạp chí Dược học/ ISSN: 0866-7225		1	51, 426, 54-58	2011
15	Các hợp chất megastigman và phenylpropanoid phân lập từ cây gừa ( <i>Ficus macrocarpa</i> ). DOI: <a href="https://doi.org/10.15625/2129">https://doi.org/10.15625/2129</a>	11		Tạp chí Hóa học/ ISSN: 0866-7144			49(3), 371-374	2011
16	Hoạt tính ức chế sự phát triển tế bào ung thư <i>in vivo</i> của hợp chất Glochierioside A từ cây bòn bọt ( <i>Glochidion eriocarpum</i> Champ.)	5	x	Tạp chí Dược học/ ISSN: 0866-7225			51, 425, 23-28	2011
<b>II</b>	<b>Sau khi được công nhận TS</b>							
<b>Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín trong danh mục ISI (17 bài, trong đó 10 bài là tác giả chính)</b>								
17	ent-Kaurane Diterpenes from <i>Annona glabra</i> and and Their Cytotoxic Activities	10		Natural Product Communications / ISSN: 1555-9475, 1934-578X	SCIE, IF 0.986, Q4	3	9, 12, 1681-1682	2014
18	<sup>1</sup> H and <sup>13</sup> C-NMR assignments of sesquiterpenes from <i>Dysidea fragilis</i> DOI: 10.1002/mrc.4288	12		Magnetic Resonance in Chemistry/ ISSN: 0749-1581, 1097-458X	SCIE, IF: 2.134, Q2	6	53, 1057-1060	2015
19	Oleanane-type Triterpene Saponins from <i>Glochidion glomerulatum</i>	10	x	Natural Product Communications / ISSN: 1555-9475, 1934-578X	SCIE, IF 0.986, Q4	2	10, 6, 875-876	2015

20	Oleanane-type saponins from <i>Glochidion glomerulatum</i> and their cytotoxic activities. DOI: <a href="https://doi.org/10.1016/j.phytochem.2015.05.001">10.1016/j.phytochem.2015.05.001</a>	11	x	Phytochemistry/ ISSN: 0031-9422, 1873-3700	SCIE, IF: 4.072, Q1	18	116, 213-220	2015
21	Sesquiterpenes from the Vietnamese Marine Sponge <i>Dysidea fragilis</i>	11		Natural Product Communications / ISSN: 1555-9475, 1934-578X	SCIE, IF 0.986, Q4	8	10, 8, 1341-1342	2015
22	Two New Compounds from the Leaves of <i>Glochidion obliquum</i>	8	x	Natural Product Communications / ISSN: 1555-9475, 1934-578X	SCIE, IF 0.986, Q4	1	11, 4, 443-444	2016
23	Oleanane-type Saponins from <i>Glochidion hirsutum</i> and Their Cytotoxic Activities. DOI: <a href="https://doi.org/10.1002/cbdv.201600445">10.1002/cbdv.201600445</a>	11		Chemistry and Biodiversity/ ISSN: 1612-1872, 1612-1880	SCIE, IF: 2.408, Q2	2	14, e1600 445 (1-9)	2017
24	Discovery of cycloartane-typetriterpene saponins from <i>Mussaenda glabra</i> <a href="https://doi.org/10.1016/j.phyto.1.2019.07.006">https://doi.org/10.1016/j.phyto.1.2019.07.006</a>	12	x	Phytochemistry Letters/ ISSN: 1874-3900, 1876-7486	SCIE, IF: 1.679, Q2	5	33, 39-45	2019
25	Protein tyrosine phosphatase 1B inhibitory triterpene glycosides from <i>Mussaenda pilosissima</i> Valetton. <a href="https://doi.org/10.1016/j.phyto.1.2020.01.023">https://doi.org/10.1016/j.phyto.1.2020.01.023</a>	8	x	Phytochemistry Letters/ ISSN: 1874-3900, 1876-7486	SCIE, IF: 1.679, Q2		36, 139-143	2020
26	Iridoids and cycloartane saponins from <i>Mussaenda pilosissima</i> Valetton. and their inhibitory NO production in BV2 cells. DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/14786419.2020.1737059">10.1080/14786419.2020.1737059</a>	8	x	Natural Product Research/ ISSN: 1478-6419, 1478-6427	SCIE, IF: 2.393, Q2			2020
27	New Truxillic and Truxillic Acid Sucrose Diesters From the Leaves of <i>Trigonostemon honbaensis</i> . DOI: <a href="https://doi.org/10.1177/1934578X21999148">10.1177/1934578X21999148</a>	4	x	Natural Product Communications / ISSN: 1555-9475, 1934-578X	SCIE, IF 0.986, Q4		16(2): 1-5	2021

28	Saurobacciosides A - C: Three new glycosides from <i>Sauropus bacciformis</i> with their cytotoxic activity. DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/14786419.2021.1892670">10.1080/14786419.2021.1892670</a>	8		Natural Product Research/ ISSN: 1478-6419, 1478-6427	SCIE, IF: 2.393, Q2			2021
29	Two new iridoid-sesquiterpene conjugates from <i>Rehmannia glutinosa</i> <a href="https://doi.org/10.1016/j.phyto.2021.04.008">https://doi.org/10.1016/j.phyto.2021.04.008</a>	8	x	Phytochemistry Letters/ ISSN: 1874-3900, 1876-7486	SCIE, IF: 1.679, Q2		43, 208-211	2021
30	Four new triterpene glycosides from the aerial parts of <i>Chenopodium album</i> and their cytotoxic activity <a href="https://doi.org/10.1016/j.phytol.2021.05.004">https://doi.org/10.1016/j.phytol.2021.05.004</a>	8		Phytochemistry Letters/ ISSN: 1874-3900, 1876-7486	SCIE, IF: 1.679, Q2		44, 7-13,	2021
31	Iridoid glycosides link with phenylpropanoids from <i>Rehmannia glutinosa</i> . DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/14786419.2021.1931189">10.1080/14786419.2021.1931189</a>	5	x	Natural Product Research/ ISSN: 1478-6419, 1478-6427	SCIE, IF: 2.393, Q2			2021
32	Hippotulosas A-D: four new sesterterpenes from marine sponge <i>Hippospongia fistulosa</i> Lendenfeld, 1889 DOI: <a href="https://doi.org/10.1080/14786419.2021.1929973">10.1080/14786419.2021.1929973</a>	7		Natural Product Research/ ISSN: 1478-6419, 1478-6427	SCIE, IF: 2.393, Q2			2021
33	New merosesquiterpenes from Vietnamese sponge <i>Hippospongia fistulosa</i> and their cytotoxic activity <a href="https://doi.org/10.1016/j.phytol.2021.06.015">https://doi.org/10.1016/j.phytol.2021.06.015</a>	8	x	Phytochemistry Letters/ ISSN: 1874-3900, 1876-7486	SCIE, IF: 1.679, Q2		44, 115-119,	2021
<b>Bài báo đăng trên tạp chí trong nước (13 bài, trong đó 04 bài tác giả chính)</b>								
34	Triterpens from the leaves of <i>Glochidion obliquum</i> DOI: <a href="https://doi.org/10.15625/0866-7144.2015-2e-024">10.15625/0866-7144.2015-2e-024</a>	9	x	Vietnam Journal of Chemistry/ ISSN: 0086-7144		1	53(2e), 103-106	2015
35	Quassinoids from <i>Eurycoma longifolia</i> DOI: <a href="https://doi.org/10.15625/0866-7144.2015-2e-019">10.15625/0866-7144.2015-2e-019</a>	9		Vietnam Journal of Chemistry/ ISSN: 0086-7144			53(2e), 82-85	2015

36	Flavones and Lignans from <i>Glochidion obliquum</i> Decne. DOI: <a href="https://doi.org/10.15625/0866-7144.2016-00257">10.15625/0866-7144.2016-00257</a>	6	x	Vietnam Journal of Chemistry/ ISSN: 0086-7144			54(2), 185-188	2016
37	Flavonoid glycoside from <i>Viscum album</i> DOI: <a href="https://doi.org/10.15625/0866-7144.2016-00344">10.15625/0866-7144.2016-00344</a>	3	x	Vietnam Journal of Chemistry/ ISSN: 0086-7144			54(4), 443-447	2016
38	Sterols from stems of <i>Momordica cochinchinensis</i> (Lour.) Spreng DOI: <a href="https://doi.org/10.15625/2525-2321.2017-00516">https://doi.org/10.15625/2525-2321.2017-00516</a>	3		Vietnam Journal of Chemistry/ ISSNe: 2525-2321			55(5), 604-608,	2017
39	Hợp chất Triterpenoid và Ecdysteroid từ lá loài mạn kinh	5		Tạp chí NCKH và Công nghệ quân sự/ ISSN: 1859-1043			4, 83 – 87	2018
40	Triterpenoid saponins from <i>Mussaenda glabra</i> Vahl. <a href="https://doi.org/10.1002/vjch.201900060">https://doi.org/10.1002/vjch.201900060</a>	5		Vietnam Journal of Chemistry/ ISSNe: 2525-2321			57(4), 463-468	2019
41	Iridoid glycosides from the aerial parts of <i>Buddleja asiatica</i> Lour.	8		Vietnam Journal of Chemistry/ ISSNe: 2525-2321			57(4e3,4) 243-247	2019
42	Pregnane glycosides from <i>Gymnema sylvestre</i> <a href="https://doi.org/10.1002/vjch.201900002">https://doi.org/10.1002/vjch.201900002</a>	6		Vietnam Journal of Chemistry/ ISSNe: 2525-2321		2	57(2), 208-212	2019
43	Quinovic acid glycosides from <i>Mussaenda pilosissima</i> Valetton. <a href="https://doi.org/10.1002/vjch.201960010">https://doi.org/10.1002/vjch.201960010</a>	4		Vietnam Journal of Chemistry/ ISSNe: 2525-2321		1	57(1), 64-69	2019
44	Terpene and lignan glycosides from the leaves of <i>Aralia chinensis</i> <a href="https://doi.org/10.1002/vjch.202000086">https://doi.org/10.1002/vjch.202000086</a>	9		Vietnam Journal of Chemistry/ ISSNe: 2525-2321			58(6), 804-809	2020
45	Diterpene glycosides and phenolic compounds from the fruits of <i>Xanthium strumarium</i>	5		Vietnam Journal of Chemistry/ ISSNe: 2525-2321		1	58(5), 648-653	2020

	<a href="https://doi.org/10.1002/vjch.202000061">https://doi.org/10.1002/vjch.202000061</a>						
46	Dihydrostilbene glycosides and lignan from <i>Camellia sasanqua</i> <a href="https://doi.org/10.1002/vjch.202000062">https://doi.org/10.1002/vjch.202000062</a>	5	x	Vietnam Journal of Chemistry/ ISSNe: 2525-2321		58(5), 661- 665	2020

Như vậy, tổng số đã công bố **46** bài báo khoa học, trong đó **25** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín SCIE và **21** bài báo khoa học chuyên ngành trong nước. Có 17 bài báo khoa học SCIE đăng sau khi UV được cấp bằng TS, trong đó 10 bài UV là tác giả chính.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không có

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không có

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không có

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Là giảng viên chính của Bộ môn Hóa học - Khoa Khoa học cơ bản, tôi đã chủ trì/tham gia xây dựng và viết đề cương chi tiết học phần trong các chương trình đào tạo bậc đại học của Trường Đại học Mở - Địa chất. Cụ thể như sau:

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Vai trò
1	Hóa học đại cương phần 2	4010302	2	Chủ trì
2	Chemistry 2A	CHE 2A	5	Chủ trì
3	Chemistry 2B	CHE 2B	5	Chủ trì
4	Hóa học đại cương phần 1 + Thí nghiệm	7010304	3	Tham gia
5	Hóa vô cơ phần 1 + Thí nghiệm	7010306	3	Tham gia
6	Hóa vô cơ phần 2	4010304	2	Tham gia
7	Chemistry 2C	CHE 2C	5	Tham gia

**9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:**

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: .....

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: .....

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 12 tháng 07 năm 2021

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**Vũ Kim Thư**